TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AB
TỈNH KG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-6-2025
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AB, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Tuyết Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AB tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Minh TA, xã Minh T, huyện UMT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh Kiều Hoài A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp XĐ, xã N TA, huyện AB, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Ngọc H trình bày như sau:

Chị Nguyễn Ngọc H và anh Kiều Hoài A chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N TA vào ngày 22/11/2005 theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vợ chồng chung

sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau, bất đồng về kinh tế gia đình từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Kiều Thị Mỹ Y, sinh ngày 22/8/2007 và Kiều Hoàng H, sinh ngày 07/6/2010 hiện đang sống với anh Kiều Hoài A. Chị H đồng ý giao 02 người con chung cho anh Anuôi dưỡng và giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Kiều Hoài A vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của của chị Nguyễn Ngọc H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H, bị đơn anh Kiều Hoài A có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện AB. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG.

Quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu ly hôn với Kiều Hoài A và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và nuôi con".

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Kiều Hoài A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N TA, huyện AB, tỉnh KG theo quy định của pháp luật vào ngày 22/11/2005, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị H và anh Ađã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế, về tình cảm vợ chồng anh chị đã không tự hàn gắn lại với nhau được và ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh Ân**.**

2.2 Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Nguyễn Ngọc H và anh Kiều Hoài A ly thân từ năm 2019 đến nay, thì 02 người con chung Kiều Thị Mỹ Y, sinh ngày 22/8/2007 và Kiều Hoàng H, sinh ngày 07/6/2010 hiện đang sống với anh Ân, anh Atrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu, cuộc sống của 02 cháu đã ổn định trong thời gian dài và chị H có yêu cầu giao 02 người con chung cho anh Atiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu về việc sống với anh Ân, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu Kiều Thị Mỹ Y và Kiều Hoàng H cho anh Atiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Avắng mặt nên không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, khi anh Acó yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Chị H và anh Acó quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện AB tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H và anh Kiều Hoài A.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Thị Mỹ Y, sinh ngày 22/8/2007 và Kiều Hoàng H, sinh ngày 07/6/2010 cho anh Kiều Hoài A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao dục theo nguyện vọng của cháu Mỹ Y, cháu Hoàng H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Avắng mặt nên không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, khi anh Acó yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Chị H và anh Acó quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 12 ngày 03 tháng 4 năm 2025 (ký hiệu: BLTU/25) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh KG. Chị Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đen

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã NY;*
- *Lưu, HS, VP.*